

Dự thảo 2

LUẬT HÓA CHẤT (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Hóa chất (sửa đổi).

Chương I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về phát triển công nghiệp hóa chất, hoạt động hóa chất, hóa chất trong sản phẩm, an toàn trong hoạt động hóa chất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hóa chất, quản lý nhà nước về hóa chất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng dự án hóa chất; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hóa chất; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hóa chất trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

1. Hoạt động đầu tư, xây dựng dự án hóa chất, hoạt động hóa chất trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Hóa chất và luật khác có liên quan.

2. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Hóa chất và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Hóa chất có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Luật Hóa chất.

3. Hoạt động liên quan đến chất phóng xạ, chất thải phóng xạ tuân theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ, năng lượng nguyên tử.

4. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Hóa chất có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về ngành, lĩnh vực sử dụng hóa chất khác với quy định của Luật Hóa chất thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Hóa chất, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hóa chất* là đơn chất, hợp chất, hỗn hợp chất được con người khai thác hoặc tạo ra từ nguồn nguyên liệu tự nhiên, nguyên liệu nhân tạo.

2. *Chất* là đơn chất, hợp chất kể cả tạp chất sinh ra trong quá trình chế biến, những phụ gia cần thiết để bảo đảm đặc tính lý, hóa ổn định, không bao gồm các dung môi mà khi tách ra thì tính chất của chất đó không thay đổi.

3. *Hỗn hợp chất* là tập hợp của hai hoặc nhiều chất mà giữa chúng không xảy ra phản ứng hóa học trong điều kiện bình thường.

4. *Hóa chất nguy hiểm* là chất hoặc hỗn hợp chất có thể gây hại cho sức khỏe con người, cơ sở vật chất tài sản, môi trường và có một hoặc một số đặc tính nguy hiểm theo nguyên tắc phân loại của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

5. *Dự án hóa chất* là dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng được hình thành và thực hiện với mục tiêu chính để tiến hành hoạt động sản xuất, chiết nạp, tồn trữ, bảo quản hóa chất và các sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất.

6. *Khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất* là khu công nghiệp chuyên sản xuất và cung ứng dịch vụ cho dự án hóa chất, công trình hóa chất; có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp được sử dụng để thu hút các dự án hóa chất hoặc dự án đầu tư có công trình hóa chất.

7. *Cụm công nghiệp chuyên ngành hóa chất* là cụm công nghiệp chuyên sản xuất và cung ứng dịch vụ cho dự án hóa chất, công trình hóa chất; có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp của cụm công nghiệp được sử dụng để thu hút các dự án hóa chất hoặc dự án đầu tư có công trình hóa chất.

8. *Công trình hóa chất* là công trình xây dựng, để tiến hành hoạt động sản xuất, chiết nạp, tồn trữ, bảo quản hóa chất và các sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất.

9. *Tổ hợp hóa chất* là một tập hợp nhiều công trình hóa chất thuộc một dự án hoặc nhiều dự án khác nhau, có mối liên hệ về công nghệ, nguyên nhiên liệu, sản phẩm.

10. *Nguyên tắc hóa học xanh* là bộ nguyên tắc áp dụng trong thiết kế, quy trình sản xuất, sử dụng và thải bỏ hóa chất nhằm giảm thiểu hoặc loại bỏ việc sử dụng và tạo ra các hóa chất nguy hiểm.

11. *Hóa chất cơ bản* là các hóa chất được dùng với vai trò là nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia, dung môi để sản xuất ra hóa chất khác hoặc trong quá trình sản xuất các ngành kinh tế.

12. *Sản phẩm hóa dầu* là sản phẩm hóa chất của quá trình lọc dầu, chế biến khí tự nhiên, khí dầu mỏ, than đá; hoặc sản phẩm được tạo ra thông qua các phản ứng hóa học từ các nguồn nguyên liệu là sản phẩm của quá trình lọc dầu, chế

biến khí tự nhiên, khí dầu mỏ, than đá; không bao gồm mục tiêu làm nhiên liệu, năng lượng.

13. *Hóa dược* là nguyên liệu làm thuốc, bao gồm dược chất (còn gọi là hoạt chất), dược liệu, tá dược được tạo ra từ quá trình hóa học, hợp chất thiên nhiên (dược liệu, sinh vật biển) và công nghệ sinh học.

14. *Cao su kỹ thuật* là tên gọi chung cho các sản phẩm được sản xuất từ cao su có yêu cầu kỹ thuật theo khuôn mẫu và dựa theo các yêu cầu khác nhau về tính năng, không bao gồm sản phẩm săm, lốp.

15. *Hóa chất năng lượng* là hóa chất có vai trò làm nguồn năng lượng, lưu trữ năng lượng, chất mang năng lượng.

16. *Hoá chất mới* là hóa chất chưa có trong danh mục hóa chất quốc gia, danh mục hóa chất nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

17. *Hoạt động hóa chất* là hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, sang chai, đóng gói, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, tồn trữ, bảo quản, sử dụng, xử lý hóa chất thải bỏ, xử lý chất thải hóa chất.

18. *Cơ sở hóa chất* là nơi diễn ra một hay nhiều các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, sang chai, đóng gói, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tồn trữ, bảo quản, sử dụng, xử lý hóa chất thải bỏ, xử lý chất thải hóa chất.

19. *Sản xuất hóa chất* là việc tạo ra một hóa chất thông qua phản ứng hóa học và /hoặc các quá trình chế biến bao gồm pha chế, chưng cất, chiết xuất, tinh chế hóa chất, không bao gồm hoạt động phát thải hóa chất không chủ đích.

20. *Kinh doanh hóa chất* bao gồm hoạt động buôn bán, trao đổi, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất để cung ứng hóa chất trên thị trường nhằm mục đích sinh lời.

21. *Sử dụng hóa chất* là việc tiêu dùng hóa chất hoặc sử dụng hóa chất để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa khác.

22. *San chiết, đóng gói hóa chất* là việc sử dụng thiết bị, dụng cụ để san, chiết hóa chất từ dạng rời, dạng xá vào bao bì hoặc từ bao bì này sang bao bì khác mà không làm thay đổi bản chất, thành phần, hàm lượng, tính chất của hóa chất.

23. *Quản lý vòng đời hóa chất* là hoạt động quản lý hóa chất từ quá trình sản xuất, kinh doanh mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng đến xử lý, thải bỏ hóa chất nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động trên được tuân thủ quy định pháp luật.

24. *Chất thải hóa chất* là chất thải được tạo ra từ các hoạt động hóa chất có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại dễ gây ô nhiễm môi trường và các đặc tính nguy hại khác.

25. *Đặc tính nguy hiểm mới* là đặc tính nguy hiểm được phát hiện nhưng chưa được ghi trong phiếu an toàn hóa chất.

26. *Mã số CAS* (Chemical Abstracts Service) là dãy các chữ số duy nhất ấn định cho mỗi hoá chất theo quy tắc của một Ban thuộc Hội hóa học Mỹ.

27. *Số UN* (United nations) là số có bốn chữ số, được quy định bởi Tổ chức Liên hợp quốc, dùng để xác định các hóa chất nguy hiểm.

28. *IUPAC* (International Union of Pure and Applied Chemistry) là cơ quan quốc tế đại diện cho hóa học và các ngành khoa học, công nghệ liên quan.

29. *GHS* là tên viết tắt của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (Globally Harmonized System of Classification and Labelling of Chemicals).

30. *Sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm* là sản phẩm trong điều kiện sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường do thành phần hóa học trong sản phẩm.

31. *Khoảng cách an toàn đối với sản xuất, tồn trữ hóa chất* là khoảng cách lưu không tối thiểu cần đảm bảo từ vị trí tồn trữ và sản xuất hóa chất của một cơ sở sản xuất, tồn trữ hóa chất tới khu dân cư, công trình công cộng, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn đa dạng sinh học, khu vực khai thác nguồn nước sinh hoạt nhằm hạn chế tối đa tác động xấu tới sức khỏe con người, sinh vật và môi trường thủy sinh trong điều kiện hoạt động bình thường.

32. *An ninh hóa chất* là việc áp dụng các quy định, biện pháp nhằm ngăn chặn việc sử dụng hóa chất, thiết bị hóa học vào mục đích phi hòa bình để duy trì trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm, đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, tổ chức của từng lĩnh vực hoạt động hoặc của toàn xã hội.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động hóa chất

1. Bảo đảm an toàn cho người, tài sản, hệ sinh thái và môi trường; trật tự, an toàn xã hội.

2. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động hóa chất, đặc biệt đối với hóa chất mới, hóa chất nguy hiểm, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất cấm.

3. Thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về đặc tính nguy hiểm của hóa chất và các biện pháp phòng ngừa cần thiết.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động hóa chất

1. Sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, tồn trữ, sử dụng, gửi, cho, tặng hóa chất nguy hiểm trái quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Không công bố thông tin cần thiết, cung cấp thông tin không đầy đủ, thông tin sai lệch, che giấu thông tin về đặc tính nguy hiểm của hóa chất, sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm.

3. Sử dụng hóa chất không thuộc danh mục được phép sử dụng, hóa chất không bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng, vượt quá hàm lượng cho phép để sản xuất và bảo quản thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thức ăn gia súc, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm hóa chất tiêu dùng.

4. Sử dụng hóa chất độc để săn bắt động vật, thực hiện các hành vi xâm hại đến sức khỏe con người, tài sản và môi trường.

5. Đưa dự án vào hoạt động khi chưa được phê duyệt kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hoặc báo cáo biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.

6. Lợi dụng, lạm dụng việc sử dụng hóa chất nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương II

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT

Điều 7. Chính sách của Nhà nước đối với việc phát triển công nghiệp hóa chất

1. Huy động các nguồn lực đầu tư, áp dụng đồng bộ các cơ chế, biện pháp khuyến khích, ưu đãi ở mức cao nhất để phát triển công nghiệp hóa chất thành ngành công nghiệp nền tảng, hiện đại, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

2. Đẩy nhanh việc ứng dụng, nghiên cứu, làm chủ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp hóa chất, hình thành chuỗi giá trị, tham gia sâu vào những khâu có giá trị gia tăng cao.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp hóa chất; ứng dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, hướng tới tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm được hưởng chính sách ưu đãi đặc biệt, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật.

5. Bố trí ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn lực xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án phát triển công nghiệp hóa chất.

6. Phát triển hệ thống sản xuất, kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hóa chất thông qua việc thúc đẩy thiết lập bổ sung, hoàn thiện hệ thống tư vấn toàn diện, hệ thống logistic, từng bước hoàn thiện hạ tầng cho phát triển công nghiệp hóa chất đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng chung của cả nước, đặc biệt là tập trung nghiên cứu, thu hút đầu tư và phát triển hệ thống các khu công nghiệp hóa chất chuyên ngành, cụm công nghiệp hóa chất chuyên ngành, tổ hợp hóa chất, đồng thời xây dựng, cập nhật và vận hành có hiệu quả cơ sở dữ liệu về công nghiệp hóa chất phục vụ cho việc quản lý, hoạch định, điều chỉnh chính sách và cung cấp thông tin cho các tổ chức kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Điều 8. Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất

1. Yêu cầu đối với chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất

a) Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất phải phù hợp với nguyên tắc và chính sách của Nhà nước về hoạt động hóa chất, quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất được xây dựng trên cơ sở chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch quốc gia, chiến lược và chương trình quốc gia về phát triển công nghiệp;

c) Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất phải định hướng hình thành các khu công nghiệp hóa chất tập trung, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội và đáp ứng yêu cầu an toàn hóa chất;

d) Chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất phải xác định cụ thể quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển ngành công nghiệp hóa chất trên phạm vi toàn quốc trong từng thời kỳ và giải pháp phát triển, tổ chức sử dụng các nguồn lực của đất nước từ trung ương đến địa phương để bảo đảm thực hiện các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển ngành công nghiệp hóa chất.

2. Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất được lập cho từng giai đoạn mười năm, tầm nhìn cho tối thiểu mười năm tiếp theo.

3. Trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất

a) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức lập chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chiến lược;

b) Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh quy hoạch phát triển địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất đã được phê duyệt để xây dựng nội dung về phát triển công nghiệp hóa chất trên địa bàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương;

c) Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp của dự án hóa

chất với chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất trong quá trình xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án hóa chất là dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B; dự án đầu tư xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II.

4. Cơ quan xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất có trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Nhà nước bố trí kinh phí cho công tác xây dựng, thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 9. Quy định đối với dự án hóa chất

1. Chủ đầu tư dự án hóa chất có trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định của Luật này, pháp luật về đầu tư, xây dựng, quy định, quy chuẩn về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Lựa chọn, sử dụng công nghệ bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, giảm thiểu việc sử dụng hóa chất nguy hiểm và giảm thiểu chất thải hóa chất;

c) Xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại Điều 68, Điều 69 của Luật này;

d) Nghiên cứu để áp dụng các nguyên tắc hóa học xanh trong thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị.

2. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đánh giá sự phù hợp địa điểm của dự án hóa chất với quy định về khoảng cách an toàn tại Điều 67 của Luật này.

3. Trong giai đoạn quyết định đầu tư dự án hóa chất, chủ đầu tư giải trình, làm rõ trong hồ sơ dự án, các nội dung sau đây:

a) Sự tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật và quy định về an toàn hóa chất;

b) Các nguyên tắc hóa học xanh đã được áp dụng trong thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị.

4. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án hóa chất đánh giá, thẩm định các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

5. Trường hợp chủ đầu tư dự án hóa chất đề nghị cấp chứng nhận, chứng chỉ xanh đối với xuất xứ, quy trình, sản phẩm, Bộ Công Thương tiếp nhận đề xuất, xem xét, cấp chứng chỉ, chứng nhận.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm

1. Lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm bao gồm:

- a) Sản xuất hóa chất cơ bản thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Sản xuất sản phẩm hóa dầu, hóa dược, cao su kỹ thuật;
- c) Sản xuất hóa chất năng lượng không tạo ra khí thải cacbon từ nguồn năng lượng tái tạo;
- d) Đầu tư khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất, cụm công nghiệp chuyên ngành hóa chất;
- đ) Đầu tư tổ hợp hóa chất với mục tiêu chính là sản xuất hóa chất và các sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất;
- e) Đầu tư dự án hóa chất thuộc đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định tại Luật Đầu tư.

2. Chính phủ quy định danh mục hóa chất cơ bản thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm theo các tiêu chí sau đây:

- a) Hóa chất cơ bản được sử dụng trong nhiều ngành, lĩnh vực nhưng sản xuất trong nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu;
- b) Sản phẩm hóa chất cơ bản được sản xuất từ chế biến sâu tài nguyên khoáng sản.

3. Dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định tại Luật Đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Dự án hóa chất đầu tư trong khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất, cụm công nghiệp chuyên ngành hóa chất được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt.

Điều 11. Hoạt động tư vấn hóa chất

1. Hoạt động tư vấn sau đây cần đáp ứng điều kiện chuyên ngành về hóa chất

- a) Hoạt động xây dựng đối với dự án hóa chất bao gồm: lập thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình, giám sát thi công lắp đặt thiết bị vào công trình, quản lý dự án, định giá xây dựng;
- b) Tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị, thi công lắp đặt thiết bị đối với dự án hóa chất;

c) Tư vấn an toàn hóa chất bao gồm: lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, huấn luyện an toàn hóa chất, diễn tập ứng phó sự cố hóa chất.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng. Điều kiện cấp chứng chỉ bao gồm:

a) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng;

b) Có ít nhất một cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành hóa chất, có kinh nghiệm công tác tương đương với điều kiện xét cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng cùng hạng trong lĩnh vực hoạt động.

3. Điều kiện đối với tổ chức hoạt động tư vấn quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này:

a) Là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có ngành nghề kinh doanh phù hợp;

b) Có đội ngũ tư vấn viên với số lượng, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp;

c) Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng cần thiết đáp ứng yêu cầu của hoạt động tư vấn;

d) Được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hoạt động tư vấn hóa chất.

4. Điều kiện đối với cá nhân hoạt động tư vấn quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành hóa chất;

b) Tư vấn viên hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị, thi công lắp đặt thiết bị đối với dự án hóa chất phải có kinh nghiệm công tác tương đương với điều kiện xét cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng cùng hạng trong lĩnh vực hoạt động;

c) Tư vấn viên hoạt động tư vấn an toàn hóa chất phải có kinh nghiệm công tác năm năm trở lên trong lĩnh vực an toàn hóa chất;

d) Đạt yêu cầu sát hạch và được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn viên hóa chất.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, quy trình, thủ tục thẩm định, sát hạch đề cấp chứng chỉ hoạt động tư vấn hóa chất, chứng chỉ tư vấn viên hóa chất.

6. Bộ Công Thương quy định cơ quan, tổ chức thực hiện thẩm định, sát hạch, cấp, điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ hoạt động tư vấn hóa chất, chứng chỉ tư vấn viên hóa chất.

Chương III

QUẢN LÝ HÓA CHẤT TRONG VÒNG ĐỜI

MỤC 1

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ HÓA CHẤT CẤM

Điều 12. Hóa chất cấm

1. Hóa chất cấm là hóa chất đặc biệt nguy hiểm đối với sức khỏe con người, môi trường, quốc phòng và an ninh được quy định trong Danh mục hóa chất cấm ban hành theo Luật Đầu tư hoặc do Quốc hội ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân không được phép sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, tồn trữ, sử dụng Hóa chất cấm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trong trường hợp đặc biệt để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp Giấy phép sản xuất, nhập khẩu Hóa chất cấm cho tổ chức, doanh nghiệp.

4. Tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, nhập khẩu, sử dụng Hóa chất cấm phải lập sổ theo dõi, quản lý nghiêm ngặt số lượng; bảo đảm không để xảy ra thất thoát, sự cố; báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 84 của Luật này.

Điều 13. Sản xuất Hóa chất cấm

1. Việc sản xuất hóa chất cấm thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất Hóa chất cấm để sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh phải được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép;

b) Chỉ được sản xuất Hóa chất cấm đúng chủng loại, quy mô để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh;

c) Tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất hóa chất quy định tại khoản 1 Điều 64, khoản 1 Điều 65, Điều 67 của Luật này;

d) Thực hiện huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 71 của Luật này;

đ) Tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất Hóa chất cấm phải quản lý nghiêm ngặt số lượng; bảo đảm không để xảy ra thất thoát, sự cố; báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 84 của Luật này;

e) Thực hiện việc phân loại, ghi nhãn hàng hóa theo quy định tại Điều 50 của Luật này;

g) Thực hiện các quy định về sử dụng Hóa chất cấm quy định tại Điều 17 của Luật này.

2. Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp Giấy phép sản xuất Hóa chất cấm trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép, nội dung Giấy phép sản xuất Hóa chất cấm.

Điều 14. Nhập khẩu Hóa chất cấm

1. Việc nhập khẩu Hóa chất cấm thực hiện theo quy định sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nhập khẩu Hóa chất cấm để sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh phải được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép;

b) Chỉ được nhập khẩu Hóa chất cấm đúng chủng loại, quy mô để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống dịch bệnh;

c) Tổ chức được phép nhập khẩu Hóa chất cấm phải quản lý nghiêm ngặt số lượng; bảo đảm không để xảy ra thất thoát, sự cố; báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 84 của Luật này;

d) Thực hiện việc phân loại, ghi nhãn hàng hóa theo quy định tại Điều 50 của Luật này;

đ) Thực hiện các quy định về sử dụng Hóa chất cấm quy định tại Điều 17 của Luật này.

2. Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp Giấy phép nhập khẩu Hóa chất cấm trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Giấy phép nhập khẩu Hóa chất cấm được cấp cho từng lô nhập khẩu và có thời hạn trong vòng 06 tháng kể từ ngày cấp.

4. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép, nội dung Giấy phép nhập khẩu Hóa chất cấm.

Điều 15. Vận chuyển Hóa chất cấm

1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển Hóa chất cấm phải là doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng nguy hiểm.

2. Việc vận chuyển Hóa chất cấm phải tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động vận chuyển hóa chất quy định tại khoản 4 Điều 64, khoản 4 Điều 65 của Luật này.

3. Người thực hiện vận chuyển Hóa chất cấm phải tuân theo các quy định sau đây:

- a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong Giấy phép vận chuyển hóa chất;
- b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;
- c) Có phương án bảo đảm vận chuyển an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;
- d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến hóa chất;
- đ) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển hóa chất ở nơi đông người, khu vực dân cư, gần trạm xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển hóa chất khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự, cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ.

4. Việc vận chuyển Hóa chất cấm thực hiện theo quy định của Chính phủ về vận chuyển hàng nguy hiểm.

Điều 16. Tồn trữ, bảo quản Hóa chất cấm

1. Hóa chất cấm phải được quản lý, bảo quản theo đúng chế độ, đúng quy trình, bảo đảm an toàn, không để mất, hư hỏng.

2. Việc tồn trữ Hóa chất cấm phải tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động tồn trữ hóa chất quy định tại khoản 3 Điều 64, khoản 3 Điều 65, Điều 67 của Luật này.

3. Hóa chất cấm bảo quản trong kho phải có đầy đủ nhãn, mác, biểu trưng theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

4. Hóa chất cấm phải được lưu giữ tại khu vực riêng biệt.

Điều 17. Sử dụng Hóa chất cấm

1. Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng Hóa chất cấm phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

- a) Là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất để phục vụ mục đích phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng Hóa chất cấm.

2. Việc sử dụng Hóa chất cấm phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường và tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động sử dụng hóa chất quy định tại Điều 64, Điều 65, Điều 67 của Luật này.

Điều 18. Xử lý, thải bỏ Hóa chất cấm

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sử dụng Hóa chất cấm phải xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

MỤC 2 QUY ĐỊNH QUẢN LÝ HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 19. Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Chính phủ ban hành Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, bao gồm:

a) Hóa chất nguy hiểm cần kiểm soát đặc biệt để thực thi Công ước Rotterdam, Công ước Minamata về thủy ngân, Công ước Stockholm và các điều ước quốc tế liên quan đến hóa chất và hoạt động hóa chất mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Hóa chất nguy hiểm cần kiểm soát đặc biệt để bảo đảm không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe con người, tài sản, môi trường.

2. Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được kiểm soát về kỹ thuật an toàn, phạm vi, loại hình, quy mô, thời hạn sản xuất, kinh doanh và mục đích sử dụng.

3. Tổ chức, doanh nghiệp hoạt động Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải lập sổ theo dõi, quản lý nghiêm ngặt số lượng; bảo đảm không để xảy ra thất thoát, sự cố; báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 85 của Luật này.

Điều 20. Sản xuất Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Việc sản xuất Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do tổ chức, doanh nghiệp thực hiện theo Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Việc sản xuất Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải đáp ứng các điều kiện về pháp lý, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn và yêu cầu kiểm soát hóa chất theo quy định của Chính phủ.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép sản xuất Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

4. Giấy phép sản xuất Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

5. Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép, nội dung Giấy phép sản xuất Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

Điều 21. Kinh doanh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Việc kinh doanh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do tổ chức, doanh nghiệp thực hiện theo Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Việc kinh doanh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải đáp ứng các điều kiện về pháp lý, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn và yêu cầu kiểm soát hóa chất theo quy định của Chính phủ.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép kinh doanh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

4. Giấy phép kinh doanh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.

5. Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép, nội dung Giấy phép kinh doanh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

Điều 22. Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm nhập, quá cảnh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Các trường hợp được xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt:

a) Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy phép sản xuất Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được xuất khẩu, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh hóa chất thuộc danh mục được cấp phép;

b) Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh hóa chất thuộc danh mục được cấp phép;

c) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng hóa chất được nhập khẩu Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để sử dụng; xuất khẩu hoặc bán lại hóa chất sử dụng không hết cho tổ chức, doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất, kinh doanh Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

2. Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt gồm hai trường hợp:

a) Trường hợp phải được cấp Giấy phép khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh hóa chất;

b) Trường hợp phải thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Bộ Công Thương cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

4. Bộ Công Thương xác nhận khai báo hóa chất nhập khẩu đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 23. Vận chuyển Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải là doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng nguy hiểm.

2. Việc vận chuyển Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động vận chuyển hóa chất quy định tại khoản 4 Điều 64, khoản 4 Điều 65 của Luật này.

3. Việc vận chuyển Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của Chính phủ về vận chuyển hàng nguy hiểm.

Điều 24. Tồn trữ, bảo quản Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được quản lý, bảo quản theo đúng chế độ, đúng quy trình, bảo đảm an toàn, không để mất, hư hỏng.

2. Việc tồn trữ Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động tồn trữ hóa chất quy định tại khoản 3 Điều 64, khoản 3 Điều 65, Điều 67 của Luật này.

3. Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt bảo quản trong kho phải có đầy đủ nhãn, mác, biểu trưng theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện tồn trữ Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của nhiều tổ chức, cá nhân phải được cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.

Điều 25. Yêu cầu đối với cơ sở san chiết, pha loãng, phối trộn Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức, cá nhân san chiết, pha loãng, phối trộn hóa chất Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 64, Điều 65, Điều 67 của Luật này.

2. Địa điểm san chiết, pha loãng, phối trộn phải đảm bảo các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thiết bị san chiết, đóng gói hóa chất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành. Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm

định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị.

4. Bao bì, vật chứa và nhãn hóa chất sau khi san chiết, đóng gói phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật này.

5. Người trực tiếp san chiết, pha loãng, phối trộn hóa chất phải được huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 71 của Luật này.

6. Tổ chức, cá nhân san chiết, pha loãng, phối trộn phải thực hiện việc phân loại, ghi nhãn và xây dựng phiếu an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 50, Điều 52 của Luật này.

Điều 26. Sử dụng Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia trước khi sử dụng.

2. Việc sử dụng Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường và tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động sử dụng hóa chất quy định tại Điều 64, Điều 65, Điều 67 của Luật này.

3. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng quy định chi tiết điều kiện, quy định quản lý việc sử dụng Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trong phạm vi quản lý, trình Chính phủ ban hành.

Điều 27. Kiểm soát mua, bán Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Việc mua, bán Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải có phiếu kiểm soát, có xác nhận của bên mua, bên bán để làm cơ sở cho việc kiểm soát Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lưu thông trên thị trường.

2. Phiếu kiểm soát mua, bán Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt bao gồm các thông tin về tên hóa chất, số lượng hóa chất, mục đích sử dụng; tên tổ chức, doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, đại diện bên mua và bên bán, ngày giao hàng.

3. Phiếu kiểm soát mua, bán Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được lưu giữ tại bên bán, bên mua ít nhất 05 (năm) năm và phải xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

4. Bộ Công Thương quy định mẫu phiếu kiểm soát mua, bán Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

Điều 28. Xử lý, thải bỏ Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sử dụng Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

MỤC 3

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ HÓA CHẤT CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 29. Hóa chất có điều kiện

1. Hóa chất có điều kiện là hóa chất nguy hiểm được quy định trong Danh mục do Chính phủ ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động Hóa chất có điều kiện phải tuân thủ các điều kiện để không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe con người, tài sản, môi trường.

Điều 30. Sản xuất Hóa chất có điều kiện

1. Việc sản xuất Hóa chất có điều kiện do tổ chức, cá nhân thực hiện theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Việc sản xuất Hóa chất có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện về pháp lý, cơ sở vật chất - kỹ thuật và năng lực chuyên môn theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất Hóa chất có điều kiện.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất Hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

5. Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận, nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất Hóa chất có điều kiện.

Điều 31. Kinh doanh Hóa chất có điều kiện

1. Việc kinh doanh Hóa chất có điều kiện do tổ chức, cá nhân thực hiện theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Việc kinh doanh Hóa chất có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện về pháp lý, cơ sở vật chất - kỹ thuật và năng lực chuyên môn theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Hóa chất có điều kiện.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

5. Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận, nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Hóa chất có điều kiện.

Điều 32. Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm nhập, quá cảnh Hóa chất có điều kiện

1. Các trường hợp được xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm nhập, quá cảnh Hóa chất có điều kiện:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất Hóa chất có điều kiện được xuất khẩu, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh hóa chất được ghi trong Giấy chứng nhận;

b) Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Hóa chất có điều kiện được xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh hóa chất thuộc danh mục được ghi trong Giấy chứng nhận;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất được nhập khẩu Hóa chất có điều kiện để sử dụng; xuất khẩu hoặc bán lại hóa chất sử dụng không hết cho tổ chức, doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh Hóa chất có điều kiện.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 33. Vận chuyển Hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển Hóa chất có điều kiện phải là doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng nguy hiểm.

2. Việc vận chuyển Hóa chất có điều kiện phải tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động vận chuyển hóa chất quy định tại khoản 4 Điều 64, khoản 4 Điều 65 của Luật này.

3. Việc vận chuyển Hóa chất có điều kiện thực hiện theo quy định của Chính phủ về vận chuyển hàng nguy hiểm.

Điều 34. Tồn trữ, bảo quản Hóa chất có điều kiện

1. Hóa chất có điều kiện phải được quản lý, bảo quản theo đúng chế độ, đúng quy trình, bảo đảm an toàn, không để mất, hư hỏng.

2. Việc tồn trữ Hóa chất có điều kiện phải tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động tồn trữ hóa chất quy định tại khoản 3 Điều 64, khoản 3 Điều 65, Điều 67 của Luật này.

3. Hóa chất có điều kiện bảo quản trong kho phải có đầy đủ nhãn, mác, biểu trưng theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện tồn trữ Hóa chất có điều kiện của nhiều tổ chức, cá nhân phải được cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.

Điều 35. Yêu cầu đối với cơ sở san chiết, pha loãng, phối trộn Hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức, cá nhân san chiết, pha loãng, phối trộn hóa chất Hóa chất có điều kiện phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 64, Điều 65, Điều 67 của Luật này.

2. Địa điểm san chiết, pha loãng, phối trộn phải đảm bảo các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thiết bị san chiết, đóng gói hóa chất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành. Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị.

4. Bao bì, vật chứa và nhãn hóa chất sau khi san chiết, đóng gói phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 51 của Luật này.

5. Người trực tiếp san chiết, pha loãng, phối trộn hóa chất phải được huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 71 của Luật này.

6. Tổ chức, cá nhân san chiết, pha loãng, phối trộn phải thực hiện việc phân loại, ghi nhãn và xây dựng phiếu an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 50, Điều 52 của Luật này.

Điều 36. Sử dụng Hóa chất có điều kiện

1. Việc sử dụng Hóa chất có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường và tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động sử dụng hóa chất quy định tại Điều 64, Điều 65, Điều 67 của Luật này.

2. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng quy định chi tiết điều kiện, quy định quản lý việc sử dụng Hóa chất có điều kiện trong phạm vi quản lý, trình Chính phủ ban hành.

Điều 37. Xử lý, thải bỏ Hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sử dụng Hóa chất có điều kiện phải xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

MỤC 4

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ HÓA CHẤT KHÔNG THUỘC DANH MỤC

Điều 38. Sản xuất hóa chất

Việc sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động hóa chất sản xuất hóa chất quy định tại khoản 1 Điều 64, khoản 1 Điều 65 và Điều 67 của Luật này.

Điều 39. Kinh doanh hóa chất

Việc kinh doanh hóa chất phải đáp ứng các điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh hóa chất quy định tại khoản 2 Điều 64, khoản 2 Điều 65 và Điều 67 của Luật này.

Điều 40. Nhập khẩu hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất phải thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.
2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 41. Vận chuyển hóa chất

1. Việc vận chuyển hóa chất phải tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động vận chuyển hóa chất quy định tại khoản 4 Điều 64, khoản 4 Điều 65 của Luật này.
2. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải là doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng nguy hiểm.
3. Việc vận chuyển hóa chất nguy hiểm thực hiện theo quy định của Chính phủ về vận chuyển hàng nguy hiểm.

Điều 42. Tồn trữ, bảo quản hóa chất

1. Hóa chất phải được quản lý, bảo quản theo đúng chế độ, đúng quy trình, bảo đảm an toàn, không để mất, hư hỏng.
2. Việc tồn trữ hóa chất phải tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động tồn trữ hóa chất quy định tại khoản 3 Điều 64, khoản 3 Điều 65, Điều 67 của Luật này.
3. Hóa chất bảo quản trong kho phải có đầy đủ nhãn, mác, biểu trưng theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

Điều 43. Yêu cầu đối với cơ sở san chiết, pha loãng, phối trộn hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân san chiết, pha loãng, phối trộn hóa chất phải thực hiện các yêu cầu quy định tại Điều 64, Điều 65, Điều 67 của Luật này.
2. Địa điểm san chiết, pha loãng, phối trộn phải đảm bảo các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Thiết bị san chiết, đóng gói hóa chất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành. Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị.
4. Bao bì, vật chứa và nhãn hóa chất sau khi san chiết, đóng gói phải đáp ứng yêu cầu quy định Điều 51 của Luật này.

5. Người trực tiếp sản xuất, pha loãng, phối trộn hóa chất phải được huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 71 của Luật này.

6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, pha loãng, phối trộn phải thực hiện việc phân loại, ghi nhãn và xây dựng phiếu an toàn hóa chất theo quy định tại Điều 50, Điều 52 của Luật này.

Điều 44. Sử dụng hóa chất

1. Việc sử dụng hóa chất phải đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường và tuân thủ điều kiện đảm bảo an toàn trong hoạt động sử dụng hóa chất quy định tại Điều 64, Điều 65, Điều 67 của Luật này.

2. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng quy định chi tiết điều kiện, quy định quản lý việc sử dụng hóa chất nguy hiểm trong phạm vi quản lý, trình Chính phủ ban hành.

Điều 45. Xử lý, thải bỏ hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất phải xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ chứa hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương IV ĐĂNG KÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN HÓA CHẤT VÀ QUẢNG CÁO HÓA CHẤT

Điều 46. Đăng ký hóa chất mới

1. Hóa chất mới chỉ được đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường sau khi được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trên Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

2. Hồ sơ đăng ký hóa chất mới, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:

a) Đơn đăng ký hóa chất mới;

b) Tên gọi hóa chất mới theo hướng dẫn của Hiệp hội hóa học cơ bản và ứng dụng quốc tế (IUPAC), công thức hóa học của hóa chất;

c) Thông tin về tính chất lý, hoá và đặc tính nguy hiểm của hóa chất được tổ chức đánh giá hóa chất mới cung cấp theo quy định tại Điều 47 của Luật này;

d) Thông tin về tính chất lý, hoá và đặc tính nguy hiểm của hóa chất được công bố bởi một quốc gia có công nhận lẫn nhau về đánh giá hóa chất mới với Việt Nam quy định tại Điều 47 của Luật này.

3. Hồ sơ đăng ký hóa chất mới sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học, bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội bao gồm:

a) Các tài liệu quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này;

b) Thông tin về mục đích sử dụng, thời gian sử dụng hóa chất.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục và tổ chức thực hiện việc đăng ký hóa chất mới.

Điều 47. Tổ chức đánh giá hóa chất mới

1. Tổ chức đánh giá hóa chất mới là tổ chức có đủ năng lực để đánh giá hóa chất mới, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định hoặc các tổ chức thử nghiệm hợp chuẩn của nước ngoài được Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) thừa nhận về đánh giá hóa chất.

2. Chính phủ quy định điều kiện và chỉ định tổ chức đánh giá hóa chất mới tại Việt Nam, quy định việc thừa nhận lẫn nhau về đánh giá hóa chất mới với các quốc gia khác.

Điều 48. Nghĩa vụ cung cấp thông tin

Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp sau đây:

1. Sự cố hóa chất xảy ra trong cơ sở hoạt động hóa chất.

2. Phục vụ yêu cầu phòng ngừa thảm họa tự nhiên có khả năng gây ra sự cố hóa chất của cơ sở hoạt động hóa chất.

3. Phục vụ điều tra, khảo sát để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển công nghiệp hóa chất.

4. Phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động hóa chất.

Điều 49. Quản lý hoạt động liên quan đến hóa chất mới

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm theo dõi, quản lý hoạt động liên quan đến hóa chất mới.

2. Trong thời hạn năm năm, kể từ ngày hóa chất mới được đăng ký, hàng năm, tổ chức, cá nhân có hoạt động hóa chất liên quan đến hóa chất mới phải báo cáo bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Công Thương.

3. Bộ Công Thương quy định cụ thể về nội dung, biểu mẫu báo cáo, thời gian thực hiện báo cáo.

4. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin thành phần, hàm lượng hóa chất độc, hóa chất nguy hiểm trong hóa chất, sản phẩm chứa hóa chất cho cơ quan quản lý và người sử dụng.

5. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm cung cấp các thông tin về hóa chất độc, hóa chất nguy hiểm thuộc phạm vi quản lý của mình theo yêu cầu

để phục vụ cứu chữa, điều trị cho người, động vật, thực vật chịu ảnh hưởng của sự cố hóa chất.

6. Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền phòng, chống ảnh hưởng của hóa chất độc, hóa chất nguy hiểm.

Điều 50. Phân loại, ghi nhãn hóa chất

1. Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hóa chất có nghĩa vụ phân loại, ghi nhãn hóa chất trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường.

2. Việc phân loại hóa chất được thực hiện theo quy tắc, hướng dẫn kỹ thuật của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

3. Việc ghi nhãn đối với các hóa chất được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

4. Việc ghi nhãn đối với hóa chất nguy hiểm được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa và hướng dẫn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

5. Bộ Công Thương hướng dẫn, quản lý việc phân loại, ghi nhãn hóa chất theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

Điều 51. Bao gói hóa chất

1. Bao gói hóa chất lưu thông trên thị trường phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Đáp ứng yêu cầu về phân loại, ghi nhãn hóa chất quy định tại Điều 50 của Luật này;

b) Phương tiện chứa hóa chất không rò rỉ, phát tán hóa chất ra ngoài trong vận chuyển, bảo quản, tồn trữ;

c) Không bị hóa chất chứa bên trong ăn mòn, phá hủy;

d) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật về bao gói do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc tiêu chuẩn quốc tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố áp dụng.

2. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định về quy cách, vật liệu và các yêu cầu kiểm tra, kiểm định bao gói cho từng loại và nhóm loại hóa chất.

Điều 52. Phiếu an toàn hóa chất

1. Hóa chất nguy hiểm bao gồm chất nguy hiểm, hỗn hợp chất có hàm lượng chất nguy hiểm trên mức quy định. Hóa chất nguy hiểm phải được lập phiếu an toàn hóa chất.

2. Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hóa chất nguy hiểm trước khi đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường phải lập phiếu an toàn hóa chất.

3. Phiếu an toàn hóa chất bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp;
- b) Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất;
- c) Thông tin về thành phần các chất;
- d) Biện pháp sơ cứu về y tế;
- đ) Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn;
- e) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố;
- g) Yêu cầu về sử dụng, bảo quản;
- h) Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân;
- i) Đặc tính lý, hóa của hóa chất;
- k) Mức ổn định và phản ứng của hóa chất;
- l) Thông tin về độc tính;
- m) Thông tin về sinh thái;
- n) Thông tin về thải bỏ;
- o) Thông tin khi vận chuyển;
- p) Thông tin về pháp luật;
- q) Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất.

4. Chính phủ quy định hàm lượng chất nguy hiểm trong hỗn hợp chất phải lập phiếu an toàn hóa chất quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 53. Thông tin về đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất

1. Khi phát hiện dấu hiệu đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm kịp thời báo cáo Bộ Công Thương và thông báo cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất đó biết.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất có dấu hiệu đặc tính nguy hiểm mới phải báo cáo Bộ Công Thương để xem xét, thu thập thêm bằng chứng khoa học về đặc tính nguy hiểm mới.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm lập hồ sơ về hóa chất có dấu hiệu đặc tính nguy hiểm mới để tiến hành các biện pháp thu thập bằng chứng khoa học, thử nghiệm bổ sung để xác định đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất.

4. Khi có đủ bằng chứng xác định đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất, Bộ Công Thương quyết định áp dụng biện pháp quản lý thích hợp đối với hóa chất đó.

5. Khi đã có kết luận chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa

chất đó có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung nhãn và phiếu an toàn hóa chất phù hợp với các đặc tính nguy hiểm mới.

Điều 54. Bảo mật thông tin

1. Tổ chức, cá nhân, cơ quan tiếp nhận khai báo, đăng ký, báo cáo hóa chất có trách nhiệm giữ bí mật thông tin bảo mật theo yêu cầu của bên khai báo, đăng ký, báo cáo, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân, cơ quan tiếp nhận khai báo, đăng ký, báo cáo hóa chất có quyền sử dụng các thông tin bảo mật này cho công tác điều tra, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Thông tin bảo mật của bên khai báo, đăng ký, báo cáo bao gồm:

a) Tên và số lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh;

b) Thông tin có liên quan đến bí quyết công nghệ, bí mật thương mại.

4. Chính phủ quy định chi tiết các thông tin về bí quyết công nghệ, bí mật thương mại bảo mật hoặc không bảo mật.

Điều 55. Sử dụng thông tin bảo mật

1. Cơ quan, người tiếp nhận khai báo, đăng ký, báo cáo hóa chất có trách nhiệm cung cấp thông tin bảo mật quy định tại Điều 54 của Luật này khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan, người tiếp nhận khai báo, đăng ký, báo cáo hóa chất có trách nhiệm giữ bí mật thông tin bảo mật theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Lưu trữ thông tin hóa chất nguy hiểm

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải thiết lập, thường xuyên cập nhật và lưu trữ thông tin về hóa chất nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của mình trong thời hạn ít nhất ba năm, kể từ ngày kết thúc hoạt động với hóa chất đó.

2. Nội dung thông tin cần lưu trữ bao gồm tên khoa học, tên thương mại của hóa chất; khối lượng sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, thải bỏ; mục đích sử dụng, phân nhóm nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất; thông tin liên quan đến sự cố hóa chất, an toàn hóa chất tại cơ sở.

3. Trong trường hợp cơ sở hoạt động hóa chất có nhiều chi nhánh thì dữ liệu thông tin hóa chất nguy hiểm phải bao gồm tất cả các thông tin có liên quan của cơ sở, các chi nhánh.

Điều 57. Danh mục hóa chất quốc gia và Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm cập nhật và trình Chính phủ ban hành Danh mục hóa chất quốc gia và Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

2. Các loại báo cáo của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất, cơ quan chuyên môn quản lý hoạt động hóa chất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Luật này phải được gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thông qua Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm đồng bộ, chia sẻ dữ liệu liên quan đến xuất nhập khẩu hóa chất giữa hệ thống Một cửa quốc gia và Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

4. Thông tin trên Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia có thể được khai thác sử dụng cho công tác quản lý nhà nước, xử lý vi phạm.

5. Danh mục hóa chất quốc gia và Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia phải được xây dựng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế, được công bố công khai, cập nhật thường xuyên và phải được đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Điều 58. Quảng cáo hóa chất

1. Quảng cáo hóa chất, sản phẩm, hàng hóa có chứa hóa chất độc, hóa chất nguy hiểm phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo và thương mại điện tử.

2. Việc quảng cáo hóa chất, sản phẩm, hàng hóa có chứa hóa chất độc, hóa chất nguy hiểm phải kèm theo phiếu an toàn hóa chất, thông tin cảnh báo về đặc tính nguy hiểm, độc hại của hóa chất và chỉ dẫn phòng ngừa tác hại của sản phẩm, hàng hóa đó.

Chương V

THỰC HIỆN CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ HÓA CHẤT

Điều 59. Thực hiện cam kết quốc tế về quản lý hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải tuân thủ các cam kết quốc tế về quản lý hóa chất mà Việt Nam là quốc gia thành viên, bao gồm: Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng vũ khí hóa học và việc phá hủy chúng; Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988 (sau đây gọi là Công ước 1988); Công ước Minamata về thủy ngân (sau đây gọi là Công ước Minamata); Công ước Rotterdam về thủ tục chấp thuận thông báo trước đối với một số hóa chất và thuốc trừ sâu độc hại trong thương mại quốc tế (sau đây gọi là: Công ước Rotterdam); Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (sau đây gọi là Công ước Stockholm); Công ước Basel về kiểm soát việc vận chuyển qua biên giới các chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng (sau đây gọi là Công ước Basel); Tiếp cận chiến lược về quản lý hóa chất quốc tế (sau đây gọi là SAICM: Strategic Approach to International Chemicals Management).

2. Chính phủ quy định chi tiết việc triển khai thực hiện các cam kết quốc tế nêu trên.

Điều 60. Cơ quan đầu mối cam kết quốc tế về quản lý hóa chất

1. Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng vũ khí hóa học và việc phá hủy chúng; Công ước Minamata về thủy ngân; Công ước Rotterdam về thủ tục chấp thuận thông báo trước đối với một số hóa chất và thuốc trừ sâu độc hại trong thương mại quốc tế (hoá chất công nghiệp); Tiếp cận chiến lược về quản lý hoá chất quốc tế (SAICM).

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện Công ước Rotterdam về thủ tục chấp thuận thông báo trước đối với một số hóa chất và thuốc trừ sâu độc hại trong thương mại quốc tế (hoá chất nông nghiệp).

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện Công ước Stockholm về quản lý hoá chất hữu cơ khó phân hủy và Công ước Basel về kiểm soát việc vận chuyển qua biên giới các chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng.

4. Bộ Công an là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988.

Chương VI HÓA CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM

Điều 61. Quy định chung về hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm

1. Các hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm có quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và khoản 4 Điều này.

2. Chính phủ ban hành danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật cần quản lý.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm xây dựng quy trình kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất theo quy định tại Điều 62.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm theo quy định tại Điều 63 Luật này.

5. Bộ Khoa học và công nghệ chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương ban hành các quy định đối với các phòng thử nghiệm đánh giá hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm.

6. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chức năng có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc

thực hiện các quy định về quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm của tổ chức, cá nhân theo trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

7. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm có chứa hóa chất nguy hiểm không thực hiện việc xây dựng quy trình quản lý, không công bố thông tin, công bố thông tin không chính xác về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, buộc phải thu hồi sản phẩm, bồi thường thiệt hại (nếu có).

Điều 62. Xây dựng Quy trình kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất

1. Chính phủ ban hành hướng dẫn xây dựng quy trình kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm có trách nhiệm xây dựng quy trình kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm theo hướng dẫn; cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan đến hóa chất nguy hiểm; tồn trữ hồ sơ quản lý và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 63. Công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm

1. Chính phủ quy định chi tiết về thời gian, hình thức, trình tự công bố thông tin của tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 có trách nhiệm xây dựng, công bố thông tin và đăng tải bản công bố trên hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia, cập nhật khi có sự thay đổi.

3. Tổ chức, cá nhân bán sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm chỉ được bán các sản phẩm tuân thủ quy định công bố thông tin; có trách nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan tại Công ty và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII AN TOÀN HÓA CHẤT

Mục 1

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Điều 64. Điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật trong hoạt động hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất phải bảo đảm các điều kiện về an toàn và an ninh hóa chất, nhà xưởng, kho chứa, công nghệ, thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất phải được thiết kế, xây dựng phù hợp với quy mô hoạt động, đặc tính của hóa chất và đặc điểm nguyên liệu;

b) Trang thiết bị an toàn, phòng, chống cháy nổ; trang thiết bị bảo hộ lao động, an toàn hóa chất; trang thiết bị bảo vệ môi trường; phương tiện vận chuyển; bảng nội quy về an toàn hóa chất; phương tiện, thiết bị đo lường phù hợp;

c) Kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Địa điểm kho chứa, bến cảng, nơi tiếp nhận bốc dỡ hóa chất phải bảo đảm điều kiện về an toàn và an ninh hóa chất;

b) Tuân thủ các yêu cầu tại điểm b,c khoản 1 của Điều này.

3. Tổ chức, cá nhân tồn trữ hóa chất phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Địa điểm tồn trữ hóa chất phải bảo đảm các điều kiện về an toàn và an ninh hóa chất theo quy định tại Luật này và các quy định khác của pháp luật khác có liên quan. Nhà kho, bãi chứa, bến cảng, nơi tiếp nhận bốc dỡ hóa chất, các công trình phụ trợ, công nghệ, thiết bị, phương tiện phục vụ việc tồn trữ được thiết kế, xây dựng phù hợp với quy mô, đặc tính của hóa chất tồn trữ;

b) Tuân thủ các yêu cầu tại điểm b,c khoản 1 của Điều này.

4. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

4.1. Phương tiện vận chuyển hóa chất đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đăng kiểm, kiểm định, kiểm tra định kỳ theo quy định của Pháp luật;

b) Phù hợp với đặc tính của hóa chất vận chuyển, phải có hình đồ cảnh báo trên bồn chứa theo quy định tương ứng đối với hóa chất được vận chuyển;

c) Trang bị các thiết bị, vật tư hỗ trợ đảm bảo an toàn và ứng phó sự cố hóa chất phù hợp với đặc tính nguy hiểm của hóa chất trong quá trình vận chuyển.

4.2. Khu vực bến, bãi đậu xe phải đảm bảo an toàn cho việc xe ra, vào trong quá trình xuất nhập hóa chất.

5. Tổ chức, cá nhân sử dụng, san, chiết, xử lý hóa chất phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Địa điểm, khu vực có diễn ra các hoạt động sử dụng, san, chiết, xử lý hóa chất phải bảo đảm điều kiện về an toàn và an ninh hóa chất;

b) Tuân thủ các yêu cầu tại điểm b,c khoản 1 của Điều này.

6. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật bảo đảm an toàn trong hoạt động hóa chất.

Điều 65. Điều kiện về chuyên môn trong hoạt động hóa chất

1. Điều kiện về chuyên môn trong sản xuất hóa chất

- a) Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất phải có người chuyên trách về an toàn hóa chất có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;
- b) Người lao động có liên quan đến hoạt động sản xuất hóa chất phải được huấn luyện an toàn hóa chất phù hợp với nhiệm vụ được phân công;
- c) Người trực tiếp điều hành sản xuất của cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm phải có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất.

2. Điều kiện về chuyên môn trong kinh doanh hóa chất

- a) Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất phải có người chuyên trách về an toàn hóa chất có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;
- b) Người trực tiếp quản lý, người lao động trực tiếp liên quan đến hóa chất phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

3. Điều kiện về chuyên môn trong tồn trữ hóa chất

- a) Tại các kho, bãi tồn trữ hóa chất phải có người chuyên trách về an toàn hóa chất có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành hóa chất;
- b) Người trực tiếp quản lý, người lao động có liên quan tồn trữ, bảo quản hóa chất phải được huấn luyện về an toàn hóa chất.

4. Điều kiện về chuyên môn trong việc vận chuyển hóa chất

- a) Người trực tiếp quản lý, điều phối phương tiện, người điều khiển phương tiện, người lao động có liên quan việc bốc dỡ, bảo quản, vận chuyển hóa chất phải được huấn luyện an toàn hóa chất;
- b) Người tham gia vận chuyển, áp tải hóa chất phải được đào tạo an toàn vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Điều kiện về chuyên môn trong hoạt động sử dụng, san, chiết và xử lý hóa chất:

- a) Tổ chức, cá nhân hoạt động sử dụng, san, chiết và xử lý hóa chất phải có người chuyên trách về an toàn hóa chất có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;
- b) Người lao động có liên quan đến hoạt động sử dụng, san, chiết và xử lý hóa chất phải được huấn luyện an toàn hóa chất phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

Điều 66. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất

- 1. Tổ chức, cá nhân phải duy trì đủ điều kiện về an toàn và an ninh hóa chất, theo các quy định của luật này và các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động hóa chất để bảo đảm an toàn cho người lao động, sức khỏe cộng đồng và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy, thiết bị vận hành hệ thống an toàn và xử lý chất thải, phương tiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất thuộc Danh mục quản lý phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận.

4. Trong trường hợp xảy ra sự cố hóa chất, các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hóa chất phải có trách nhiệm báo cáo, xử lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm. Khi thực hiện việc vận chuyển phải đóng gói, ghi nhãn hàng hoá nguy hiểm theo quy định của Chính phủ và chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng, có biện pháp bảo vệ an toàn, không để bị thất thoát trong quá trình vận chuyển và chịu sự theo dõi, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Chính phủ quy định cụ thể về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất.

Điều 67. Khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh và tồn trữ hóa chất nguy hiểm

1. Địa điểm sản xuất, kho chứa hóa chất nguy hiểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật này phải bảo đảm khoảng cách an toàn đối với khu dân cư, công trình công cộng, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn nước sinh hoạt.

2. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng nhà ở và công trình khác trong phạm vi khoảng cách an toàn phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương nơi hoạt động cho phép.

3. Chính phủ quy định cụ thể về khoảng cách an toàn.

Mục 2 PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT

Điều 68. Phòng ngừa sự cố hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn. Định kỳ huấn luyện về an toàn hóa chất cho người lao động.

2. Yêu cầu đối với tổ chức cá nhân thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất:

a) Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất thuộc danh mục được quy định tại Điều 72 của Luật này phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

b) Đối với các dự án mới, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án;

c) Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất;

d) Trong quá trình Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng khi hoàn thành, đưa vào sử dụng, Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong quyết định phê duyệt kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất;

đ) Chủ đầu tư dự án hóa chất có trách nhiệm lồng ghép kế hoạch ứng phó sự cố môi trường vào Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.

3. Trong trường hợp mở rộng quy mô, thay đổi phạm vi hoạt động của dự án, Chủ đầu tư phải sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất không thuộc danh mục quy định tại Điều 72 của Luật này phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phù hợp với quy mô, điều kiện sản xuất, đặc tính của hóa chất và báo cáo cơ quan có thẩm quyền tại địa phương. Trong trường hợp mở rộng quy mô, thay đổi phạm vi hoạt động nhưng không nằm trong đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và báo cáo cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

5. Hàng năm cơ sở hoạt động hóa chất thuộc danh mục quy định tại Điều 72 của Luật này phải tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất đã được xây dựng trong Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất với sự chứng kiến hoặc chỉ đạo của đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương.

6. Các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất có trách nhiệm báo cáo, cập nhật Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của tổ chức, cá nhân mình lên hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

7. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất tự xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định; chịu trách nhiệm về chất lượng công việc do mình thực hiện theo quy định của Luật này.

8. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung, trình tự thủ tục xây dựng Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất, công tác giám sát việc thực hiện Kế hoạch, biện pháp và năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện xây dựng Kế hoạch, Biện pháp và tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất tại điều này.

Điều 69. Nội dung Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở hoạt động hóa chất

1. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất bao gồm các nội dung như sau:

a) Thông tin về đặc tính, khối lượng, công nghệ sản xuất, sử dụng hóa chất, đặc điểm điều kiện địa lý, dân cư, môi trường nơi có hoạt động hóa chất;

b) Dự báo các nguy cơ gây ra sự cố và kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ sự cố hóa chất;

c) Dự báo tình huống xảy ra sự cố hóa chất và các giải pháp phòng ngừa;

d) Năng lực ứng phó sự cố hóa chất bao gồm trang thiết bị, nhân lực, kế hoạch phối hợp với các lực lượng tại địa phương, kế hoạch sơ tán người, tài sản;

đ) Phương án khắc phục hậu quả sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất bao gồm các nội dung như sau:

a) Xác định, khoanh vùng và lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên các điểm có nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất cao;

b) Các biện pháp, trang thiết bị và lực lượng ứng phó tại chỗ;

c) Phương án phối hợp với các lực lượng bên ngoài để ứng phó sự cố hóa chất.

Điều 70. Trang thiết bị, lực lượng ứng phó sự cố hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm xây dựng năng lực ứng phó tại chỗ. Xây dựng hệ thống trang thiết bị ứng phó sự cố hóa chất phù hợp với quy mô và đặc tính nguy hiểm của hóa chất.

2. Lực lượng ứng phó tại chỗ phải được thường xuyên huấn luyện, thực hành các phương án ứng phó sự cố hóa chất.

3. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy, lực lượng khác và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm tăng cường năng lực, trang thiết bị để ứng phó sự cố hóa chất.

Điều 71. Huấn luyện an toàn hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất hoặc cử người lao động liên quan đến hóa chất tham gia các khóa huấn luyện của các tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất, định kỳ 02 năm một lần. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất tự huấn luyện an toàn hóa chất phải phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định; chịu trách nhiệm về chất lượng công việc do mình thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Hoạt động huấn luyện an toàn hóa chất có thể được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định.

3. Người đã được huấn luyện phải được huấn luyện lại trong các trường hợp sau đây: Khi có sự thay đổi chủng loại hóa chất, công nghệ, cơ sở vật chất, phương án sản xuất liên quan đến vị trí làm việc; khi người đã được huấn luyện thay đổi vị trí làm việc; sau 02 lần kiểm tra người đã được huấn luyện không đạt yêu cầu; khi hết thời hạn 02 năm từ kể từ lần huấn luyện trước.

4. Quy định về huấn luyện an toàn hóa chất tại Chương này không điều chỉnh đối với tổ chức, cá nhân hoạt động xăng dầu, vật liệu nổ công nghiệp; tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

5. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương định kỳ kiểm tra việc thực hiện quy định về huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân, tối đa 01 lần 01 năm. Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra đột xuất khi cần thiết việc thực hiện quy định về huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân.

6. Chính phủ quy định chi tiết về đối tượng tham gia huấn luyện, nội dung, năng lực của người huấn luyện, thời gian huấn luyện, đánh giá và lưu hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất.

Điều 72. Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Căn cứ vào đặc tính nguy hiểm của hóa chất, quy mô sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất, Chính phủ ban hành Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng Danh mục quy định tại khoản 1 Điều này trình Chính phủ ban hành.

Điều 73. Hồ sơ, trình tự thủ tục phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất bao gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt theo mẫu quy định;

b) Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất quy định tại khoản 1 Điều 73 của Luật này.

3. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phải nộp phí theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, Bộ Công thương và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

Điều 75. Trách nhiệm phối hợp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất thuộc Danh mục quy định tại Điều 72 của Luật này phải cung cấp cho Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan phòng cháy, chữa cháy địa phương các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật này để phối hợp ứng phó khi xảy ra sự cố hóa chất; trường hợp cơ sở hoạt động hóa chất nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế thì còn phải cung cấp nội dung nêu trên cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

2. Khi xảy ra sự cố hóa chất, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải áp dụng kịp thời Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và kịp thời thông báo cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy, cơ quan, đơn vị có liên quan, chính quyền địa phương nơi gần nhất để phối hợp ứng phó và khắc phục sự cố.

3. Khi xảy ra sự cố hóa chất nghiêm trọng, trách nhiệm phối hợp ứng phó được quy định như sau:

a) Cơ sở hoạt động hóa chất phải kịp thời thực hiện các biện pháp ứng phó quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra sự cố hóa chất có trách nhiệm kịp thời huy động lực lượng tại chỗ và áp dụng các biện pháp cần thiết khác, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để điều động lực lượng thực hiện các biện pháp ứng cứu, sơ tán người, tài sản và báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố hóa chất;

d) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Công thương có trách nhiệm kịp thời phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy sự cố để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố hóa chất;

đ) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành sự huy động người, tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật;

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra sự cố phải thông báo ngay cho Ủy ban cứu hộ, cứu nạn quốc gia và các cơ quan hữu quan để phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật;

g) Chính phủ quy định khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư cơ sở hoạt động hóa chất phải làm báo cáo về nguyên nhân, biện pháp ứng phó, khối lượng hóa chất bị thất thoát, hậu quả, phương hướng khắc phục sự cố gửi cho cơ quan quản lý ngành tại địa phương; đồng thời, cơ quan quản lý ngành tại địa phương có trách nhiệm tổng hợp thông tin, diễn biến sự cố, hiện trạng và kiến nghị về ảnh hưởng của sự cố đến con người và môi trường đến Bộ quản lý ngành.

Điều 76. Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh

1. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh bao gồm:

a) Tóm tắt đặc điểm, tình hình điều kiện tự nhiên, xã hội và đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố trên tới công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh;

b) Tổng quan về hoạt động hóa chất trên địa bàn tỉnh. Đánh giá tình hình sự cố hóa chất và năng lực ứng phó sự cố hóa chất của tỉnh;

c) Xây dựng các giải pháp phòng ngừa sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh;

d) Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh;

đ) Phương án khắc phục hậu quả do sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Kế hoạch triển khai, thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, đánh giá hiện trạng hoạt động hóa chất trên địa bàn và xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch vùng, địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tích hợp, lồng ghép nội dung của kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất độc vào trong kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức các cuộc diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh có sự tham gia của các cơ quan có trách nhiệm trên địa bàn tối thiểu 02 năm/lần.

5. Chính phủ quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

Điều 77. Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất có mục tiêu thúc đẩy đảm bảo an toàn trong hoạt động hóa chất tại Việt Nam.

2. Nội dung của Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất bao gồm:

- a) Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia;
- b) Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia;
- c) Xây dựng cơ sở thực hành nâng cao năng lực trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hóa chất cho các hoạt động dân sự.
- d) Các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ quy định.

3. Nguồn tài chính thực hiện Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước dành cho Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất. Khoản ngân sách này không thuộc loại chi ngân sách nhà nước hằng năm cho hoạt động hóa chất;
- b) Kinh phí từ các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước;
- c) Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

4. Việc thực hiện Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được quy định như sau:

- a) Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- b) Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan xây dựng nội dung, nhiệm vụ, cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- c) Chương trình quốc gia về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất khi được phê duyệt, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công, phân cấp.

Chương VIII

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN CHO CỘNG ĐỒNG

Điều 78. Trách nhiệm bảo vệ môi trường và an toàn cho cộng đồng

Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất, liên quan đến hoạt động hóa chất có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn hóa chất theo quy định của Luật này, pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe nhân dân, an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 79. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ môi trường và an toàn cho cộng đồng

1. Tổ chức, cá nhân nơi có cơ sở hoạt động hóa chất có các quyền sau đây:

- a) Được cung cấp các thông tin liên quan đến an toàn hóa chất của cơ sở;
- b) Yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng;
- c) Được bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản do hoạt động hóa chất gây ra theo quy định của pháp luật;
- d) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động của tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn hóa chất;
- đ) Tham gia ý kiến về biện pháp bảo vệ môi trường và Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đối với các dự án đầu tư cơ sở sản xuất, tồn trữ hóa chất nguy hiểm tại địa phương.

2. Tổ chức, cá nhân nơi có cơ sở hoạt động hóa chất có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Báo cáo kịp thời với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật về an toàn hóa chất;
- b) Tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục sự cố hóa chất.

Điều 80. Công khai thông tin về an toàn hóa chất

Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương phổ biến công khai cho cộng đồng dân cư nơi có cơ sở hoạt động hóa chất thông tin về an toàn hóa chất sau đây:

- 1. Biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường theo quy định của Luật này và pháp luật về bảo vệ môi trường.
- 2. Nội dung cơ bản của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất quy định tại Điều 69, trừ các thông tin bảo mật quy định tại Điều 54 của Luật này.

Điều 81. Trách nhiệm xử lý hóa chất độc tồn dư, hóa chất, sản phẩm chứa hóa chất độc bị tịch thu

- 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thống kê, phát hiện và thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường về địa điểm, số lượng hóa chất độc tồn dư không rõ nguồn gốc, hóa chất, sản phẩm chứa hóa chất độc bị tịch thu tại địa phương mình.
- 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phương án xử lý hóa chất độc tồn dư không rõ nguồn gốc, hóa chất, sản phẩm chứa hóa chất độc bị tịch thu.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện phương án xử lý hóa chất độc tồn dư không rõ nguồn gốc, hóa chất, sản phẩm chứa hóa chất độc bị tịch thu; Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, theo dõi việc xử lý theo quy định của Luật này và pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức, cá nhân có hóa chất độc tồn dư, sản phẩm chứa hóa chất độc bị tịch thu chịu toàn bộ chi phí xử lý.

5. Trường hợp hóa chất độc không rõ nguồn gốc, hóa chất độc không xác định được chủ sở hữu hoặc hóa chất độc bị tịch thu nhưng chủ sở hữu không có khả năng tài chính để xử lý thì chi phí xử lý được lấy từ ngân sách nhà nước.

Điều 82. Trách nhiệm xử lý hóa chất độc tồn dư của chiến tranh

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan xác định nguồn, phạm vi tác động của hóa chất độc tồn dư của chiến tranh; xây dựng kế hoạch xử lý trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện kế hoạch xử lý hóa chất độc tồn dư của chiến tranh.

Chương IX CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 83. Báo cáo hoạt động đầu tư, hoạt động hóa chất

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện Chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất.

2. Chủ đầu tư dự án hóa chất có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo qua Hệ thống cơ sở dữ liệu hóa chất Quốc gia:

a) Trong giai đoạn trước khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng, chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện dự án theo tiến độ từng giai đoạn đầu tư xây dựng;

b) Sau khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng, chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ hàng năm.

3. Chính phủ quy định nội dung, biểu mẫu, thời gian và cách thức báo cáo.

Điều 84. Báo cáo sản xuất, nhập khẩu, sử dụng Hóa chất cấm

1. Hàng năm, tổ chức sản xuất, nhập khẩu, sử dụng Hóa chất cấm có trách nhiệm gửi báo cáo sản xuất, nhập khẩu, sử dụng Hóa chất cấm đến bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Công Thương qua Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

2. Báo cáo sản xuất, nhập khẩu, sử dụng Hóa chất cấm phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa chất được sản xuất, nhập khẩu, sử dụng;

b) Lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí tồn trữ;

c) Việc thực hiện các biện pháp an toàn hóa chất;

d) Các thông tin khác nếu được yêu cầu.

3. Chính phủ quy định nội dung, biểu mẫu, thời gian và cách thức báo cáo.

Điều 85. Báo cáo sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất nguy hiểm, sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm và công tác đảm bảo an toàn hóa chất

1. Hàng năm, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, tồn trữ, sử dụng Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Hóa chất có điều kiện, Hóa chất không thuộc Danh mục có trách nhiệm gửi báo cáo đến bộ quản lý ngành, lĩnh vực qua Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia, gồm các nội dung sau:

a) Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, tồn trữ, sử dụng hóa chất tại cơ sở hóa chất;

b) Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và cập nhật khi có điều chỉnh thay đổi;

c) Công tác huấn luyện an toàn hóa chất tại cơ sở hóa chất;

d) Sự cố hóa chất tại cơ sở hóa chất.

2. Hàng năm, tổ chức, sản xuất, kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm có trách nhiệm gửi báo cáo sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, đánh giá rủi ro đối với sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm đến bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Bộ Công Thương tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện hoạt động hóa chất trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ về tình hình quản lý, hoạt động hóa chất trên toàn quốc theo quy định.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 86. Thời hạn lưu giữ các báo cáo

Cơ quan, tổ chức tiếp nhận báo cáo hóa chất quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật này phải lưu giữ các tài liệu nói trên ít nhất là mười năm.

Chương X
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Điều 87. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Công thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công thương thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất theo sự phân công của Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất trong phạm vi địa phương mình theo phân cấp của Chính phủ.

Điều 88. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất của Bộ Công Thương

1. Bộ Công thương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển công nghiệp hóa chất; quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hóa chất;

b) Quản lý hoạt động phát triển công nghiệp hóa chất. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức lập chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chiến lược;

c) Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất;

d) Quản lý hoạt động sử dụng hóa chất trong lĩnh vực công thương, hóa chất là tiền chất sử dụng trong công nghiệp và hóa chất thuộc Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

đ) Quản lý sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công thương; xây dựng và ban hành Danh mục các sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công thương cần quản lý;

e) Xây dựng, quản lý vận hành Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia;

g) Hướng dẫn phân loại, ghi nhãn hóa chất nguy hiểm; thống nhất quản lý đăng ký, khai báo hóa chất; thông tin an toàn hóa chất;

h) Hướng dẫn xây dựng, tổ chức việc thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố hóa chất;

i) Thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động hóa chất và an toàn hóa chất;

k) Quy định cụ thể về điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, chuyên môn nghề nghiệp của các cơ sở hoạt động hóa chất thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương;

l) Tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất;

m) Thanh tra về hoạt động hóa chất; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất;

n) Các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động hóa chất được Chính phủ phân công.

2. Cơ quan nhà nước quản lý về hoạt động hóa chất thuộc Bộ Công thương để giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất.

Điều 89. Trách nhiệm quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ liên quan trực tiếp đến hoạt động hóa chất

1. Bộ Y tế quản lý hoạt động sử dụng hóa chất để bào chế dược phẩm cho người, sử dụng hóa chất để sản xuất chất diệt khuẩn, diệt côn trùng trong gia dụng và y tế, sản phẩm gia dụng, hóa mỹ phẩm, thực phẩm và y tế chứa hóa chất nguy hiểm; phối hợp với các bộ, ngành quy định về vệ sinh an toàn lao động trong hoạt động hóa chất; Quản lý sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực gia dụng, hóa mỹ phẩm, thực phẩm và y tế, xây dựng và ban hành Danh mục sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm cần quản lý trong phạm vi lĩnh vực quản lý.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý hoạt động sử dụng hóa chất trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm; quản lý sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm; xây dựng và ban hành Danh mục sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm cần quản lý trong phạm vi lĩnh vực quản lý; hướng dẫn phân loại, ghi nhãn và xây dựng phiếu an toàn hóa chất đối với các loại thuốc bảo vệ thực vật.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý hoạt động sử dụng hóa chất hóa chất, sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về xử lý, thải bỏ hóa chất độc tồn dư, hóa chất độc tồn dư của chiến tranh.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động hóa chất; hóa chất độc không rõ nguồn gốc và hóa chất độc bị tịch thu.

5. Bộ Giao thông Vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về vận chuyển hóa chất nguy hiểm bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không, hàng hải; xây dựng, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật về vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

6. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động tham gia hoạt động hóa chất; quản lý việc sử dụng hóa chất trong các cơ sở dạy nghề.

7. Bộ Khoa học công nghệ ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về quản lý sử dụng hóa chất trong cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, quy định đối với các phòng thí nghiệm đánh giá hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý việc sử dụng hóa chất trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hóa chất, khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất; cân đối vốn đầu tư ngắn hạn và dài hạn cho phát triển công nghiệp hóa chất; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi quy định về đầu tư theo hướng bổ sung các lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm vào đối tượng ưu đãi đầu tư đặc biệt.

Điều 90. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động hóa chất tại địa phương theo phân cấp của Chính phủ, quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có cơ quan chuyên môn làm cơ quan đầu mối giúp Ủy ban thực hiện quản lý hoạt động hóa chất tại địa phương theo quy định của Chính phủ.

3. Căn cứ chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất đã được phê duyệt để xây dựng và tổ chức thực hiện nội dung về phát triển công nghiệp hóa chất trên địa bàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong quá trình xây dựng, điều chỉnh quy hoạch phát triển địa phương.

4. Quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định bố trí ngân sách nhà nước, quỹ đất để đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư các khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất, cụm công nghiệp chuyên ngành hóa chất.

Điều 91. Thanh tra về hoạt động hóa chất

1. Bộ Công thương, các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện nhiệm vụ thanh tra về hoạt động hóa chất thuộc phạm vi quản lý được phân công, phân cấp.

2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra về hóa chất thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 92. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về hoạt động hóa chất thì tùy theo đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị

truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất; bao che cho người vi phạm pháp luật về hoạt động hóa chất hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố hóa chất thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 93. Giải quyết tranh chấp trong hoạt động hóa chất

Giải quyết tranh chấp trong hoạt động hóa chất được thực hiện bằng những hình thức sau đây:

1. Thương lượng giữa các bên.
2. Hòa giải giữa các bên do một tổ chức hoặc cá nhân được các bên thỏa thuận làm trung gian hòa giải.
3. Giải quyết tại trọng tài thương mại hoặc Tòa án.

Chương XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 94. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày tháng năm
2. Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 95. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án hóa chất đã trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định theo các quy định hiện hành tại thời điểm trình.

2. Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chứng nhận đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục được hưởng các cơ chế ưu đãi đã ghi trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, chứng nhận đầu tư.

3. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo Giấy phép đã được cấp đến khi hết thời hạn của Giấy phép.

4. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trước ngày Luật này có hiệu lực thi

hành được tiếp tục hoạt động theo Giấy chứng nhận đã được cấp đến hết thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

5. Tổ chức, cá nhân chưa xây dựng Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phải xây dựng tuân Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong thời hạn hai tư tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI